

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 3 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Quách Xuân Luyện và bà Lê Thị Hà.

- Thư ký phiên toà: bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm tham gia phiên toà: ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ý N - sinh năm 2000;

2. Bị đơn: anh Phạm Văn T - sinh năm 1999;

Cùng nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: tiểu khu T, thị trấn K K, huyện T L, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên toà chị N có mặt, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Ý N trình bày:* chị kết hôn với anh Phạm Văn T vào năm 2020, trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 09/6/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh T tại: tiểu khu T, thị trấn K K, huyện T L, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống; dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát; khiến cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, cuộc sống chung vợ chồng

không còn hạnh phúc. Do đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên từ đầu năm 2023, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không liên lạc gì và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Minh C - sinh ngày 19/5/2021, hiện nay cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng đều không có, hiện nay chị không mang thai.

- Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có.

- Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Vợ chồng không có.

Ngoài ra chị không còn đề nghị gì khác.

* *Tại Bản tự khai ngày 08/01/2024 và trong quá trình giải quyết bị đơn - anh Phạm Văn T trình bày:* anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Ý N vào năm 2020, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Kiện Khê. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh tại: tiểu khu T, thị trấn K K, huyện T L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2023 thì phát sinh một vài mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến vợ chồng có xảy ra to tiếng, sau đó chị N đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Trong thời gian chị N về nhà bố mẹ đẻ ở anh và gia đình có sang động viên, khuyên giải, nhưng không có kết quả, chị N vẫn không đồng ý quay về, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Minh C - sinh ngày 19/5/2021, hiện nay cháu đang ở với chị N. Nếu tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, anh nhất trí giao cháu Minh C cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị N mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Minh C đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, công nợ: không có. Các vấn đề khác: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên hòa giải ngày 15/01/2024:* chị Nguyễn Thị Ý N vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Phạm Văn Thức; anh Phạm Văn T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không nhất trí ly hôn.

Về con anh chị thống nhất giao cháu Phạm Minh C - sinh ngày 19/5/2021 cho chị N nuôi dưỡng anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 02/2024 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Về án phí chi N tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

** Xác minh tại UBND thị trấn Kiện Khê xác định:* chị Nguyễn Thị Ý N và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau năm 2020, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm ngày 09/6/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại: tiểu khu T, thị trấn K K, huyện T L, tỉnh Hà Nam. Sau khi về chung sống được một thời gian đến đầu năm 2023 thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn; do vợ chồng không cùng suy nghĩ, không cùng quan điểm, dẫn đến việc chị N có đơn xin ly hôn với anh T. Sau khi nhận được đơn xin ly hôn của chị N, UBND thị trấn cũng đã mời các bên lên để hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng tại buổi hòa giải chị N trình bày: quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, lối sống, không thể tìm được tiếng nói chung, vì vậy chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh T, về phía anh T có ý kiến mong muốn vợ chồng cùng giải quyết mâu thuẫn và về đoàn tụ, do vậy việc hòa giải không có kết quả. Đến nay, chị N có đơn xin ly hôn với anh T tại Tòa án, quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Trường hợp anh chị đều kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh, chị có một con chung là cháu Phạm Minh C - sinh ngày 19/5/2021. Nếu Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện của các bên để giải quyết.

- Về tài sản chung: do anh chị không đề nghị, nên địa phương không có ý kiến gì.

- Về công nợ: Tại địa phương anh, chị không có nợ tập thể, còn có nợ cá nhân nào không thì địa phương không rõ.

- Về ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu gì, nên địa phương cũng không có ý kiến gì.

Hiện nay, chị Nguyễn Thị Ý N đang làm công nhân ở Công ty, còn Công ty nào và thu nhập bao nhiêu thì địa phương không rõ. Còn anh Phạm Văn T đang làm công việc tự do, thu nhập như thế nào địa phương không rõ.

**** Tại phiên tòa:***

- Chị Nguyễn Thị Ý N giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: áp dụng khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ý N - xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ý N và anh Phạm Văn T. Về con chung: công nhận sự thống nhất của chị Nguyễn Thị Ý N và anh Phạm Văn T; giao cháu Phạm Minh C - sinh ngày 19/5/2021 cho chị Nguyễn Thị Ý N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng cho chị Nguyễn Thị Ý N là 1.500.000 đồng kể từ tháng 2 năm 2024 cho đến khi cháu Minh C đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ý N có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Phạm Văn T đăng ký thường trú tại tiểu khu T, thị trấn K K, huyện T L, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; nên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ý N và anh Phạm Văn T là tự nguyện có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, các đoàn thể, chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng không cải thiện. Đến nay, chị Nguyễn Thị Ý N kiên quyết xin ly hôn với anh Phạm Văn T, bản thân anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không nhất trí ly hôn, nhưng lại không có biện pháp nào để cải thiện tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ý N và anh Phạm Văn T đã lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Nguyễn Thị Ý N xin ly hôn anh Phạm Văn T là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: chị Nguyễn Thị Ý N và anh Phạm Văn T có một con chung là cháu Phạm Minh C - sinh ngày 19/5/2021, hiện nay cháu đang ở cùng với chị N. Quá trình giải quyết anh chị thống nhất thỏa thuận giao cháu Minh C cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng; anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị N mỗi tháng là 1.500.000 đồng kể từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi cháu Minh C đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: việc anh chị thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và ghi nhận sự thỏa thuận này.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị Nguyễn Thị Ý N và anh Phạm Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị Ý N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Phạm Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh chị thỏa thuận chị N có trách nhiệm nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con của anh Phạm Văn T nên Hội đồng xét xử chấp nhận và ghi nhận sự thỏa thuận này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ý N.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ý N và anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Ý N và anh Phạm Văn T giao cháu Phạm Minh C - sinh ngày 19/5/2021 cho chị Nguyễn Thị Ý N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; anh Phạm Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N mỗi tháng là 1.500.000 đồng kể từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi cháu Minh C đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Ý N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Nguyễn Thị Ý N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm theo Biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0001213 ngày 03/01/2024, chị Nguyễn Thị Ý N còn phải nộp 150.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Cảnh